

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ECOBA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ECOBA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ECOBA RENEWABLE ENERGY SOLUTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108603571

**3. Ngày thành lập:** 29/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC COMPLEX, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                             | 4222     |
| 2.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                 | 4292     |
| 3.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                            | 4752     |
| 4.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                         | 4759     |
| 5.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)                                                                                              | 4773     |
| 6.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư;<br>- Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp.<br>- Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng. | 6619     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá                                                                                         | 8299     |
| 8.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                              | 4223     |
| 9.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                               | 4229     |
| 10. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                        | 4291     |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                           | 4293     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế điện - cơ điện công trình<br>- Thiết kế máy móc và thiết bị                                                                                                                             | 7110(Chính) |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                  | 4321        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                         | 4329        |
| 15. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                      | 4101        |
| 16. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                          | 4211        |
| 17. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                | 4102        |
| 18. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                           | 4212        |
| 19. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                               | 4221        |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                             | 4299        |
| 21. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4311        |
| 22. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm Dò mìn và các loại tương tự)                                                                                                                                                                                                       | 4312        |
| 23. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                  | 4322        |
| 24. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                         | 4330        |
| 25. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                    | 4390        |
| 26. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                             | 3312        |
| 27. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                 | 3314        |
| 28. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                | 3320        |
| 29. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659        |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                         | 7730        |
| 31. | Sản xuất điện<br>Chi tiết:<br>Hoạt động phát điện                                                                                                                                                                                                                      | 3511        |
| 32. | Truyền tải và phân phối điện<br>Chi tiết:<br>Bán buôn điện<br>Bán lẻ điện                                                                                                                                                                                              | 3512        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:****8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                            | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN ECOBA VIỆT NAM | Tầng 5, tòa nhà UDIC COMPLEX, đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 980.000    | 9.800.000.000         | 98,000    | 0104415496                                                                                  |         |
|     |                                |                                                                                                                 | Tổng số           | 980.000    | 9.800.000.000         | 98,000    |                                                                                             |         |
|     |                                |                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ THI QUỲNH HOA               | Nhà số 8, đường 3.5 Khu đô thị Gamuda Garden, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 1,000     | 011620178                                                                                   |         |
|     |                                |                                                                                                                 | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 1,000     |                                                                                             |         |
|     |                                |                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | VÕ TIẾN ĐẠT                    | Nhà C12, Tổ 91, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                      | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 1,000     | B5189314                                                                                    |         |
|     |                                |                                                                                                                 | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 1,000     |                                                                                             |         |
|     |                                |                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ THỊ QUỲNH HOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 23/05/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011620178

Ngày cấp: 19/05/2009

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Nhà số 8, đường 3.5 Khu đô thị Gamuda Garden, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Nhà số 8, đường 3.5 Khu đô thị Gamuda Garden, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội